

**ADMINISTRATION OF GENERAL
EDUCATION PROGRAMS: INNOVATIVE
TRENDS AND PROPOSED STRATEGIES
FOR ENHANCING EFFECTIVENESS**

Vu Thi Mai Huong

*Faculty of Educational Management,
Hanoi National University of Education,
Hanoi city, Vietnam*

Corresponding author: Vu Thi Mai Huong,
e-mail: huongvtm@hnue.edu.vn

Received February 25, 2025.

Revised March 12, 2025.

Accepted March 27, 2025.

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHƯƠNG
TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG:
XU HƯỚNG ĐỔI MỚI VÀ ĐỀ XUẤT
HƯỚNG NÂNG CAO HIỆU QUẢ**

Vũ Thị Mai Hương

*Khoa Quản lý Giáo dục, Trường Đại học
Sư phạm Hà Nội, thành phố Hà Nội,
Việt Nam*

Tác giả liên hệ: Vũ Thị Mai Hương,
e-mail: huongvtm@hnue.edu.vn

Ngày nhận bài: 25/2/2025.

Ngày sửa bài: 12/3/2025.

Ngày nhận đăng: 27/3/2025.

Abstract. This study uses systematic analysis and an integrative review to explore contemporary trends in general education program administration, particularly the shift from a centralized model to a decentralized approach and the accompanying challenges and opportunities. The analysis reveals a significant transition to a more flexible decentralized framework, granting greater autonomy to local authorities and educational institutions. However, this shift requires strong intergovernmental coordination to maintain coherence in curriculum implementation while fostering innovation and adaptability to local contexts. Key challenges include disparities in administrative capacity among regions, the need for capacity-building initiatives for education managers, and ensuring consistency in quality assurance mechanisms. The study proposes strategic policy recommendations to enhance the efficiency of general education program management in Vietnam. These include promoting balanced governance reforms, encouraging evidence-based decision-making, and investing in capacity-building measures. The ultimate goal is to enhance the quality, equity, and responsiveness of the general education system to meet the evolving needs of society.

Keywords: general education program, curriculum administration, decentralized curriculum administration.

Tóm tắt. Thông qua phương pháp phân tích tài liệu, tổng quan nghiên cứu hệ thống, bài nghiên cứu này tập trung phân tích các xu hướng đổi mới trong quản lý chương trình giáo dục phổ thông, đặc biệt là sự chuyển dịch từ mô hình tập trung sang mô hình phân cấp, cùng những thách thức và cơ hội mà quá trình này mang lại. Nghiên cứu cũng đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chương trình giáo dục phổ thông trong bối cảnh hiện nay ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy, xu hướng quản lý chương trình giáo dục phổ thông đang chuyển từ mô hình tập trung tuyệt đối sang mô hình phân cấp linh hoạt, trao quyền chủ động hơn cho địa phương và cơ sở giáo dục. Tuy nhiên, điều này đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp quản lý để đảm bảo tính thống nhất trong chương trình, đồng thời tạo điều kiện cho sự đổi mới và thích ứng với thực tiễn. Các thách thức chính bao gồm sự khác biệt về năng lực quản lý giữa các địa phương, yêu cầu nâng cao năng lực cán bộ quản lý và tính đồng bộ trong cơ chế giám sát chất lượng chương trình.

Từ khóa: chương trình giáo dục phổ thông, quản lý chương trình, phân cấp quản lý chương trình.

1. Mở đầu

Chương trình giáo dục đóng vai trò cốt lõi trong hệ thống giáo dục, quyết định chất lượng đào tạo và năng lực của người học. Quản lý chương trình giáo dục không chỉ giới hạn trong việc xây dựng nội dung giảng dạy mà còn bao gồm quá trình tổ chức, triển khai, giám sát và điều chỉnh nhằm đảm bảo sự phù hợp với yêu cầu thực tiễn [1]. Theo Nguyễn Hữu Chí & Nguyễn Quốc Trị (2014), quản lý chương trình giáo dục phổ thông cần được thực hiện theo mô hình ba cấp, trong đó cấp quốc gia giữ vai trò định hướng, cấp địa phương đảm bảo triển khai linh hoạt, và cấp nhà trường trực tiếp thực hiện chương trình phù hợp với đặc thù riêng [2].

Trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội nhanh chóng và những thay đổi sâu rộng trong hệ thống giáo dục toàn cầu, đổi mới quản lý chương trình giáo dục là yêu cầu cấp thiết nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động và hội nhập quốc tế [3]. Xu thế đổi mới này thể hiện rõ qua sự chuyển đổi từ mô hình quản lý tập trung tuyệt đối sang mô hình phân cấp, trong đó các cơ sở giáo dục có quyền chủ động hơn trong điều chỉnh nội dung chương trình theo nhu cầu thực tiễn [4]. Theo nghiên cứu của Nguyễn Quốc Trị (2016), việc phân cấp quản lý chương trình giáo dục giúp tăng cường tính linh hoạt trong giảng dạy, tạo điều kiện cho sự sáng tạo và thích ứng với thực tiễn xã hội [5]. Tuy nhiên, quá trình này cũng đặt ra nhiều thách thức, bao gồm sự khác biệt về năng lực quản lý giữa các địa phương, yêu cầu nâng cao năng lực cán bộ quản lý và tính đồng bộ trong cơ chế giám sát chất lượng [6].

Tại Việt Nam, Nghị định 127/2018/NĐ-CP đã quy định rõ trách nhiệm quản lý chương trình giáo dục ở cấp trung ương và địa phương, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đảm bảo tính nhất quán trong nội dung giảng dạy đồng thời tăng cường quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục [7]; [8]. Theo Sabrina et al. (2022), xu hướng hiện đại trong quản lý chương trình giáo dục không chỉ tập trung vào cải tiến nội dung mà còn bao gồm việc ứng dụng công nghệ, nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên và phát triển hệ thống giám sát chặt chẽ [9].

Bài nghiên cứu này phân tích các xu hướng trong quản lý chương trình giáo dục phổ thông, tập trung vào sự dịch chuyển từ mô hình tập trung sang mô hình phân cấp, cùng những cơ hội và thách thức mà quá trình này mang lại. Đồng thời, nghiên cứu đưa ra một số đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chương trình giáo dục phổ thông trong bối cảnh đổi mới hiện nay, hướng đến việc tối ưu hóa hệ thống giáo dục và đáp ứng tốt hơn nhu cầu thực tiễn của xã hội.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số vấn đề chung về quản lý nhà nước đối với chương trình giáo dục phổ thông

2.1.1. Định nghĩa về quản lý nhà nước về chương trình giáo dục phổ thông

Hiện nay có nhiều quan niệm khác nhau về chương trình giáo dục. Chương trình giáo dục không chỉ bao gồm nội dung chính thức, có kế hoạch (formal curriculum) mà còn có các yếu tố phi chính thức, tiềm ẩn (hidden curriculum) và nội dung chưa đề cập đến (null curriculum). Việc định nghĩa chương trình giáo dục quá chặt chẽ có thể dẫn đến bỏ qua các yếu tố xã hội – tâm lý quan trọng ảnh hưởng đến quá trình dạy và học. [10] Trong nghiên cứu này, chương trình giáo dục được khu trú gắn với giáo dục phổ thông. Theo đó, chương trình giáo dục phổ thông bao gồm chương trình tổng thể (khung chương trình), các chương trình môn học và hoạt động giáo dục. Chương trình giáo dục phổ thông là văn bản thể hiện mục tiêu giáo dục phổ thông, quy định các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của học sinh, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục và phương pháp đánh giá kết quả giáo dục, làm căn cứ quản lý chất lượng giáo dục phổ thông; đồng thời là cam kết của Nhà nước nhằm bảo đảm chất lượng của cả hệ thống và từng cơ sở giáo dục phổ thông [8].

Quản lý nhà nước về chương trình giáo dục là quá trình nhà nước thông qua cơ quan chuyên môn ban hành chương trình quốc gia, hoạch định, ban hành chính sách, quy định, giám sát và

đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục ở cấp quốc gia nhằm đảm bảo tính thống nhất, chất lượng và hiệu quả của hệ thống giáo dục. Đây là chức năng của các cơ quan quản lý giáo dục như Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, và các tổ chức liên quan, đảm bảo chương trình giáo dục được xây dựng và thực hiện theo chuẩn quốc gia, phù hợp với định hướng phát triển giáo dục, kinh tế và xã hội.

Theo nghiên cứu của Sabrina et al. (2022), quản lý chương trình không chỉ giới hạn ở việc xây dựng nội dung giảng dạy mà còn bao gồm việc phân bổ nguồn lực, đào tạo đội ngũ giảng viên và đánh giá chất lượng đào tạo [9]. Changiz et al. (2019) nhấn mạnh rằng quản lý chương trình đòi hỏi hệ thống giám sát chặt chẽ nhằm đảm bảo người học có đủ kiến thức và kỹ năng chuyên môn để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp [6]. Bên cạnh đó, English & Larson (1996) đã mở rộng khái niệm quản lý chương trình sang lĩnh vực giáo dục và dịch vụ xã hội, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng chương trình phù hợp với nhu cầu cộng đồng và các nhóm đối tượng thụ hưởng [1]. Do đó, quản lý chương trình không chỉ mang tính học thuật mà còn liên kết chặt chẽ với thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển nguồn nhân lực bền vững.

2.1.2. Mối quan hệ giữa quản lý chương trình và chất lượng giáo dục

Quản lý chương trình có tác động trực tiếp đến chất lượng giáo dục thông qua quá trình thiết kế, tổ chức, triển khai và đánh giá chương trình. Một chương trình được quản lý hiệu quả sẽ đảm bảo tính khoa học, phù hợp với thực tiễn và đáp ứng nhu cầu học tập của người học. Theo Gunawan & Usman (2022), việc quản lý chương trình chặt chẽ giúp tối ưu hóa nguồn lực giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo và xây dựng một hệ thống giáo dục phát triển bền vững [3]. Mối quan hệ giữa quản lý chương trình và chất lượng giáo dục thể hiện qua các yếu tố:

- **Tính nhất quán và khoa học của chương trình:** Một chương trình được xây dựng và quản lý bài bản sẽ có nội dung logic, phương pháp giảng dạy phù hợp và hệ thống đánh giá hiệu quả [11].
- **Khả năng thích ứng với nhu cầu của người học:** Chương trình phải linh hoạt, có khả năng điều chỉnh để đáp ứng các thay đổi của xã hội, kinh tế và công nghệ, từ đó đảm bảo người học có đủ năng lực thực tiễn [11].
- **Cải thiện chất lượng giảng dạy và học tập:** Theo Changiz et al. (2019), việc giám sát và đánh giá liên tục trong giáo dục giúp phát hiện những hạn chế của chương trình, từ đó có những điều chỉnh phù hợp để nâng cao chất lượng giáo dục [6].
- **Sử dụng hiệu quả nguồn lực giáo dục:** English & Larson (1996) nhấn mạnh rằng việc quản lý chương trình cần tối ưu hóa các nguồn lực như giảng viên, tài chính, cơ sở vật chất và công nghệ nhằm nâng cao trải nghiệm học tập của người học [1].

2.1.3. Vai trò của quản lý nhà nước trong xây dựng và phát triển chương trình giáo dục

Quản lý nhà nước đóng vai trò chủ đạo trong việc xây dựng, thực hiện và giám sát chương trình giáo dục, nhằm đảm bảo chất lượng, tính thống nhất và hiệu quả của hệ thống giáo dục ở cấp quốc gia, địa phương và cơ sở giáo dục. Các cơ quan quản lý nhà nước như Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, cùng các tổ chức liên quan có nhiệm vụ định hướng, ban hành chính sách, giám sát và điều chỉnh chương trình giáo dục để phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Cụ thể, vai trò của quản lý nhà nước trong chương trình giáo dục bao gồm:

- **Xây dựng và ban hành chương trình giáo dục quốc gia:** Cơ quan quản lý nhà nước chịu trách nhiệm thiết kế chương trình giáo dục dựa trên các chuẩn mực quốc tế và yêu cầu thực tiễn của quốc gia. Quá trình này đòi hỏi sự nghiên cứu kỹ lưỡng để đảm bảo tính toàn diện, khoa học và phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế - xã hội [11].
- **Hoạch định chính sách và quy định pháp lý:** Nhà nước đưa ra các chính sách và quy định pháp lý nhằm định hướng triển khai chương trình giáo dục trong toàn hệ thống, đảm bảo sự nhất quán giữa các cấp học và vùng miền. Điều này giúp tăng cường hiệu lực quản lý và tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho việc đổi mới giáo dục [6].

- **Giám sát và đánh giá chất lượng thực hiện:** Theo Changiz et al. (2019), giám sát và đánh giá định kỳ giúp phát hiện những hạn chế của chương trình giáo dục, từ đó đưa ra các biện pháp điều chỉnh và cải tiến kịp thời. Cơ quan quản lý giáo dục cần thiết lập hệ thống kiểm định chất lượng để đảm bảo chương trình đạt chuẩn và đáp ứng yêu cầu đào tạo [6].

- **Điều phối và phân bổ nguồn lực:** Nhà nước có vai trò quan trọng trong việc phân bổ ngân sách, cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên và các điều kiện hỗ trợ khác để đảm bảo chương trình giáo dục được triển khai hiệu quả. Việc tổ chức hợp lý các nguồn lực giúp tối ưu hóa hiệu suất giảng dạy và học tập trong hệ thống giáo dục [1].

- **Thúc đẩy đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục:** Sabrina et al. (2022) nhấn mạnh rằng quản lý nhà nước không chỉ dừng lại ở việc duy trì hoạt động của hệ thống giáo dục mà còn phải thúc đẩy đổi mới trong nội dung, phương pháp giảng dạy và quản lý chương trình. Sự đổi mới này giúp hệ thống giáo dục thích ứng tốt hơn với sự phát triển của công nghệ và nhu cầu của xã hội [9].

Như vậy, quản lý nhà nước về chương trình giáo dục không chỉ là một quy trình hành chính mà còn là một chiến lược dài hạn nhằm đảm bảo chất lượng giáo dục và phát triển nguồn nhân lực bền vững. Việc thực hiện tốt chức năng này đòi hỏi sự phối hợp giữa các cấp quản lý, sự tham gia của các tổ chức giáo dục và cộng đồng để đảm bảo chương trình giáo dục thực sự mang lại hiệu quả cao nhất cho người học và toàn xã hội.

2.2. Các cách tiếp cận và xu thế quản lý nhà nước về chương trình giáo dục

2.2.1. Tiếp cận tập trung (Centralization) trong giáo dục

Mô hình quản lý tập trung trong giáo dục được đặc trưng bởi việc quyết định và điều hành chủ yếu do cơ quan trung ương đảm nhiệm, thường là Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong mô hình này, chương trình giáo dục được tiêu chuẩn hóa trên phạm vi quốc gia, đảm bảo tính thống nhất về nội dung giảng dạy và phương pháp, đánh giá [4]. Cơ quan quản lý nhà nước chịu trách nhiệm xây dựng chương trình, tổ chức kiểm định chất lượng, đào tạo giáo viên theo chuẩn quốc gia và phân bổ ngân sách giáo dục [7].

Ưu điểm chính của mô hình tập trung là đảm bảo sự nhất quán trong hệ thống giáo dục, duy trì công bằng giữa các khu vực và hỗ trợ các chiến lược dài hạn trong phát triển giáo dục [2]. Đồng thời, nó cho phép kiểm soát chất lượng chặt chẽ hơn, giảm thiểu sự sai lệch trong quá trình triển khai chương trình giáo dục [8].

Tuy nhiên, mô hình này cũng tồn tại những hạn chế đáng kể. Việc tập trung quyền lực tại cơ quan trung ương có thể làm giảm tính linh hoạt trong giáo dục, không phản ánh được đặc thù của từng địa phương [5]. Điều này có thể cản trở đổi mới giáo dục, hạn chế tính sáng tạo của giáo viên và làm chậm quá trình điều chỉnh chương trình để phù hợp với sự thay đổi của xã hội [11]. Ngoài ra, mô hình này dễ dẫn đến bộ máy hành chính cồng kềnh, quan liêu, gây khó khăn trong quản lý và điều hành giáo dục [3].

2.2.2. Tiếp cận phi tập trung (Decentralization) trong giáo dục

Mô hình quản lý phi tập trung là phương thức trong đó các cấp địa phương, trường học và giáo viên được trao quyền chủ động hơn trong quản lý giáo dục (Beare & Sturman, 2018). Theo mô hình này, chương trình giáo dục có thể được điều chỉnh linh hoạt hơn để phù hợp với nhu cầu địa phương, đồng thời các cơ sở giáo dục có quyền tự chủ về tài chính và quản lý nhân sự [9].

Quyền tuyển dụng và đào tạo giáo viên được giao cho cấp địa phương, giúp đảm bảo đội ngũ sư phạm phù hợp với thực tiễn và nhu cầu học tập cụ thể của từng khu vực [6]. Ngoài ra, việc đánh giá và cải tiến chương trình giáo dục cũng được thực hiện theo hướng linh hoạt, cho phép cập nhật nhanh chóng các xu hướng và phương pháp giảng dạy tiên tiến [5].

Mô hình quản lý phi tập trung mang lại sự linh hoạt cao hơn, khuyến khích sáng tạo trong giảng dạy và tăng cường sự tham gia của cộng đồng vào quá trình giáo dục [1]. Việc phân quyền

cũng giúp các trường học thích ứng nhanh hơn với nhu cầu thực tế của học sinh và xã hội, tạo ra sự gắn kết chặt chẽ giữa nhà trường, giáo viên và các bên liên quan [11].

Tuy nhiên, mô hình này cũng gặp phải một số thách thức đáng kể. Việc phân quyền có thể dẫn đến chênh lệch chất lượng giáo dục giữa các khu vực, đặc biệt là ở những địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội kém phát triển [3]. Ngoài ra, khi thiếu các tiêu chuẩn chung, việc kiểm soát chất lượng trở nên khó khăn, có thể làm giảm tính đồng nhất của hệ thống giáo dục quốc gia [4]. Một thách thức khác là yêu cầu năng lực quản lý cao hơn từ các cơ quan địa phương, đồng nghĩa với việc phải đầu tư vào đào tạo và nâng cao năng lực quản lý cho đội ngũ cán bộ giáo dục [2].

2.2.3. Xu thế quản lý nhà nước về chương trình giáo dục

Thế chế 3 cấp quản lý chương trình (chương trình quốc gia, chương trình địa phương và chương trình nhà trường) là mô hình lựa chọn của nhiều quốc gia. Tuy nhiên, sự phân quyền giữa 3 cấp này cũng khác nhau giữa các nước. Ví dụ: quyền hạn về chương trình của quốc gia là lớn nhất (như Pháp); quyền hạn về chương trình của địa phương là lớn nhất (như Mỹ); quyền hạn về chương trình của nhà trường là lớn nhất (như Anh) [2]. Các quốc gia trên thế giới xây dựng các chế độ quản lý chương trình giáo dục phổ thông không giống nhau và sự lựa chọn đó đều có căn nguyên của nó dưới ảnh hưởng của những nhân tố thể chế chính trị; kinh tế; truyền thống lịch sử và văn hóa dân tộc; mục tiêu giáo dục; tổ chức nhà giáo dục (hiệu trưởng, giáo viên,...) và những yếu tố khác. Chẳng hạn, nước Mỹ thực hiện chế độ quản lý chương trình giáo dục phổ thông phân quyền địa phương chủ yếu là do ảnh hưởng của chế độ chính trị và chế độ quản lý giáo dục phân quyền địa phương. Các quốc gia không ngừng cải cách chế độ quản lý chương trình giáo dục phổ thông theo khuynh hướng hòa hợp các chế độ quản lý chương trình. Cho dù là chế độ quản lý chương trình giáo dục phổ thông tập quyền trung ương hay chế độ quản lý chương trình giáo dục phổ thông phân quyền địa phương thì các quốc gia đều tính toán đến sự kết hợp giữa tập quyền và phân quyền [5].

Những quốc gia thực hiện chế độ quản lý chương trình giáo dục phổ thông theo kiểu phân quyền địa phương thường lấy nhiệm vụ khắc phục những hạn chế của mình, tiếp thu những ưu điểm của chế độ quản lý chương trình giáo dục phổ thông kiểu tập quyền trung ương và chế độ quản lý chương trình giáo dục phổ thông kiểu hỗn hợp để xây dựng tiêu chuẩn chương trình tương đối thống nhất trên toàn quốc. Do vậy, những quốc gia phân quyền địa phương quản lý chương trình giáo dục phổ thông như Mỹ, Anh... đều bắt đầu từ việc cải cách tiêu chuẩn chương trình, ban hành hệ thống các văn bản pháp quy về chương trình, xây dựng tiêu chuẩn chương trình quốc gia thống nhất trên toàn quốc nhằm mục đích nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông quốc gia. Trong khi đó, những quốc gia quản lý chương trình giáo dục phổ thông theo kiểu tập quyền trung ương cũng học tập, đúc rút kinh nghiệm từ chế độ quản lý chương trình phân quyền, đã thực hiện giao thêm nhiều quyền hạn và trách nhiệm quản lý chương trình giáo dục phổ thông cho cấp địa phương và nhà trường phổ thông. Ví dụ như, từ những năm 80 của thế kỉ XX, Trung Quốc bắt đầu tiến hành cải cách chế độ quản lý chương trình giáo dục phổ thông, xác lập chế độ 3 quản lý chương trình giáo dục phổ thông, tiến hành phân phối lại quyền hạn và trách nhiệm của 3 cấp chủ thể quản lý chương trình (quốc gia, địa phương và nhà trường phổ thông). Đây là sự kết hợp hài hòa những ưu thế của chế độ trung ương tập quyền trước đây với những ưu thế của chế độ phân quyền địa phương, xác lập chế độ ba cấp quản lý chương trình giáo dục phổ thông mang đặc sắc Trung Quốc [5].

Xu thế phân cấp trong quản lý chương trình đang ngày càng phổ biến [4]. Phân cấp quản lý giáo dục đề cập đến việc chuyển giao quyền hạn và trách nhiệm từ các cơ quan quản lý trung ương xuống các cấp địa phương và nhà trường. Mục tiêu chính của phân cấp là tăng cường tính linh hoạt, đáp ứng nhanh chóng với nhu cầu cụ thể của từng cộng đồng và nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục.

Một trong những lợi ích quan trọng của phân cấp là cho phép các trường học tự chủ trong việc phát triển và điều chỉnh chương trình giảng dạy phù hợp với đặc thù địa phương. Điều này

giúp chương trình học trở nên linh hoạt, phản ánh đúng nhu cầu và mong muốn của học sinh cũng như cộng đồng. Hơn nữa, phân cấp còn thúc đẩy sự tham gia tích cực của giáo viên và cán bộ quản lý nhà trường trong quá trình ra quyết định, từ đó tạo ra môi trường giáo dục năng động và sáng tạo.

Tuy nhiên, việc thực hiện phân cấp cũng đặt ra những thách thức nhất định. Một trong số đó là đảm bảo sự cân bằng giữa quyền tự chủ của địa phương và việc duy trì các tiêu chuẩn giáo dục quốc gia. Ngoài ra, năng lực quản lý của các cấp địa phương và nhà trường cũng cần được nâng cao để đáp ứng yêu cầu của quá trình phân cấp. Việc đào tạo và phát triển chuyên môn cho đội ngũ quản lý và giáo viên trở nên cấp thiết để họ có thể thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

2.3. Một số đề xuất cho tổ chức các cơ quan quản lý nhà nước về chương trình giáo dục tại Việt Nam

2.3.1. Tổ chức quản lý nhà nước về chương trình giáo dục tại Việt Nam

Xét về quy định pháp lý, quản lý chương trình giáo dục tại Việt Nam đang được thực hiện theo mô hình phân cấp, trong đó Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), Sở Giáo dục và Đào tạo (Sở GD&ĐT), Phòng Giáo dục và Đào tạo (Phòng GD&ĐT) và Ủy ban nhân dân (UBND) các cấp đóng vai trò quan trọng trong hoạch định, triển khai và giám sát chương trình giáo dục. Việc phân định trách nhiệm giữa các cấp quản lý nhằm đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống giáo dục quốc gia, đồng thời tạo điều kiện cho sự linh hoạt trong triển khai chương trình tại từng địa phương [8], [2].

Bộ GD&ĐT là cơ quan chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục, đảm bảo tính thống nhất của hệ thống chương trình giáo dục trên phạm vi toàn quốc.

Sở GD&ĐT là cơ quan quản lý giáo dục cấp tỉnh, hoạt động dưới sự chỉ đạo của UBND cấp tỉnh và Bộ GD&ĐT,

Phòng Giáo dục và Đào tạo là đơn vị quản lý giáo dục cấp huyện, chịu trách nhiệm triển khai chương trình giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở theo chỉ đạo của Sở GD&ĐT và UBND cấp huyện.

Ủy ban nhân dân (UBND) các cấp đóng vai trò quan trọng trong việc phối hợp với các cơ quan quản lý giáo dục để đảm bảo chương trình giáo dục được triển khai hiệu quả tại địa phương. UBND cấp tỉnh thực hiện phê duyệt và triển khai các kế hoạch, chương trình giáo dục do Sở GD&ĐT đề xuất, phù hợp với chiến lược phát triển giáo dục và kinh tế - xã hội của địa phương; Ban hành các chính sách hỗ trợ giáo dục, đảm bảo nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động giảng dạy [7].

UBND cấp huyện thực hiện các kế hoạch phát triển giáo dục tại địa phương, chỉ đạo, hướng dẫn triển khai các chương trình giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT và UBND cấp tỉnh [5]. Giám sát và hỗ trợ các cơ sở giáo dục trên địa bàn, đảm bảo chương trình giáo dục được triển khai đồng bộ, hiệu quả.

UBND cấp xã phối hợp với các cơ sở giáo dục trong việc triển khai các chính sách giáo dục, hỗ trợ công tác quản lý và đảm bảo điều kiện học tập cho người học [11]. Huy động sự tham gia của cộng đồng trong phát triển giáo dục, tạo điều kiện thuận lợi để các chương trình giáo dục được thực hiện hiệu quả tại địa phương [3].

Bảng 1. Phân cấp quản lý chương trình giáo dục tại Việt Nam

Cấp quản lý	Chức năng chính	Nhiệm vụ cụ thể
Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT)	Xây dựng, ban hành và giám sát chương trình giáo dục trên toàn quốc.	- Xây dựng và ban hành chương trình giáo dục quốc gia. - Quy định phương pháp giảng dạy, đánh giá, thi cử.

		- Phát triển đội ngũ người dạy và cán bộ quản lý. - Giám sát, kiểm định chất lượng giáo dục. - Quản lý cơ sở vật chất và thiết bị dạy học.
Sở Giáo dục và Đào tạo (Sở GD&ĐT)	Triển khai, giám sát thực hiện chương trình giáo dục tại địa phương.	- Tham mưu UBND tỉnh về kế hoạch phát triển giáo dục. - Hướng dẫn và giám sát thực hiện chương trình giáo dục. - Kiểm tra, đánh giá chất lượng giảng dạy. - Bồi dưỡng chuyên môn cho người dạy và cán bộ quản lý.
Phòng Giáo dục và Đào tạo (Phòng GD&ĐT)	Thực hiện các chương trình giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở theo chỉ đạo từ cấp trên.	- Tham mưu UBND huyện về phát triển giáo dục. - Giám sát việc thực hiện chương trình giáo dục tại địa phương. - Kiểm tra, đánh giá chất lượng giảng dạy, hỗ trợ cải tiến phương pháp giảng dạy.
Ủy ban nhân dân (UBND) các cấp	Phối hợp hỗ trợ triển khai và giám sát chương trình giáo dục tại địa phương.	- UBND cấp tỉnh: Phê duyệt kế hoạch, chính sách giáo dục, phân bổ nguồn lực. - UBND cấp huyện: Chỉ đạo thực hiện kế hoạch giáo dục địa phương. - UBND cấp xã: Hỗ trợ triển khai chương trình giáo dục, huy động cộng đồng tham gia.

Việc quy định pháp lý, tổ chức quản lý chương trình giáo dục tại Việt Nam tuân theo cơ chế phân cấp, trong đó Bộ GD&ĐT giữ vai trò chủ đạo trong hoạch định chính sách, Sở GD&ĐT và Phòng GD&ĐT chịu trách nhiệm triển khai và giám sát thực hiện, còn UBND các cấp hỗ trợ về mặt quản lý, tài chính và điều kiện thực hiện chương trình. Sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan này giúp đảm bảo chương trình giáo dục được triển khai đồng bộ, hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương.

Việt Nam đang trong quá trình đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đặc biệt với việc triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 (CTGDPT 2018). Đây là chương trình được thiết kế theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học, chuyển từ cách tiếp cận nội dung sang cách tiếp cận năng lực. Điều này đòi hỏi một mô hình quản lý chương trình giáo dục linh hoạt hơn, cho phép sự điều chỉnh ở cấp địa phương và cơ sở giáo dục. Thực tế cho thấy, quản lý chương trình giáo dục tại Việt Nam ở một khía cạnh nào đó vẫn mang tính tập trung, trong đó Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) giữ vai trò quyết định trong việc ban hành khung chương trình, nội dung giảng dạy và phương pháp kiểm tra, đánh giá trên phạm vi toàn quốc. Việt Nam đang từng bước thực hiện phân cấp trong quản lý chương trình giáo dục nhằm tăng tính linh hoạt, nâng cao khả năng thích ứng của hệ thống giáo dục với nhu cầu thực tế thông qua việc trao nhiều quyền hơn cho các nhà trường trong xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường. Tuy nhiên, quá trình phân cấp này vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức về thể chế, năng lực quản lý và kiểm soát chất lượng, đòi hỏi sự điều chỉnh phù hợp để đảm bảo hiệu quả trong tổ chức và vận hành chương trình giáo dục phổ thông.

2.3.2. Đề xuất hướng quản lý nhà nước về chương trình giáo dục phổ thông hiệu quả

Xu hướng phân cấp quản lý chương trình giáo dục trên thế giới đang tạo ra những ảnh hưởng đáng kể đến hệ thống giáo dục Việt Nam. Việt Nam đang từng bước phân quyền, cho phép địa phương và cơ sở giáo dục có vai trò lớn hơn trong việc triển khai chương trình. Dưới đây là một số đề xuất để nhà nước quản lý chương trình hiệu quả.

2.3.2.1. Tăng cường vai trò định hướng và điều tiết của Nhà nước trong quản lý chương trình

Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018 được thiết kế theo hướng mở, tạo điều kiện cho các

địa phương, cơ sở giáo dục và giáo viên có quyền chủ động triển khai nội dung giảng dạy. Tuy nhiên, để đảm bảo tính thống nhất và chất lượng trên phạm vi toàn quốc, Nhà nước cần có cơ chế điều tiết linh hoạt, cân bằng giữa yêu cầu chung của chương trình quốc gia và sự thích ứng với điều kiện thực tiễn tại địa phương. Điều này đòi hỏi Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) tiếp tục hoàn thiện các văn bản hướng dẫn cụ thể về chuẩn đầu ra, khung đánh giá chất lượng, đồng thời ban hành các chính sách giám sát chặt chẽ nhằm bảo đảm thực hiện chương trình đúng định hướng, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước [8].

2.3.2.2. Phân cấp hợp lý trong quản lý chương trình giáo dục phổ thông

Việc phân cấp quản lý chương trình theo mô hình "Chương trình quốc gia - Chương trình địa phương - Chương trình nhà trường" trong CTGDPT 2018 là một bước tiến quan trọng. Tuy nhiên, để phát huy hiệu quả, cần có cơ chế rõ ràng trong việc phân quyền và trách nhiệm giữa Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT và các cơ sở giáo dục. Cụ thể, Bộ GD&ĐT tiếp tục giữ vai trò ban hành chương trình khung, hướng dẫn triển khai, giám sát chất lượng; Sở GD&ĐT chịu trách nhiệm điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương, bảo đảm chương trình đáp ứng đặc thù vùng miền; trong khi đó, các trường học cần được trao quyền chủ động hơn trong tổ chức dạy học, lựa chọn phương pháp sư phạm phù hợp với đối tượng học sinh [2]. Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo đóng vai trò chủ động hơn trong việc triển khai chương trình thay vì chỉ thực hiện theo chỉ đạo từ Bộ GD&ĐT. Điều này giúp địa phương linh hoạt hơn trong điều chỉnh kế hoạch giáo dục. Chương trình giáo dục địa phương (gồm lịch sử, văn hóa, kinh tế vùng miền) trở thành một phần quan trọng của giáo dục phổ thông, giúp học sinh gắn kết với cộng đồng và có nhận thức sâu sắc hơn về quê hương. Khi được trao quyền, các trường học và giáo viên có thể tự xây dựng chương trình giảng dạy phù hợp hơn với nhu cầu thực tiễn, đặc biệt trong các lĩnh vực như STEM, giáo dục kỹ năng, định hướng nghề nghiệp. Giáo viên có quyền chủ động hơn trong việc áp dụng phương pháp giảng dạy sáng tạo, thay vì chỉ dạy theo sách giáo khoa cố định.

2.3.2.3. Nâng cao năng lực quản lý và thực thi chương trình ở các cấp quản lý giáo dục

Một trong những thách thức lớn nhất trong quản lý CTGDPT 2018 là năng lực thực thi của đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục từ cấp trung ương đến địa phương. Do đó, cần xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ quản lý nhằm nâng cao hiểu biết về quản trị chương trình, kiểm định chất lượng và ứng dụng công nghệ trong giám sát giáo dục. Ngoài ra, cần thiết lập hệ thống đánh giá hiệu quả triển khai chương trình tại địa phương, từ đó có cơ chế điều chỉnh chính sách kịp thời dựa trên phản hồi thực tế [6].

2.3.2.4. Ứng dụng công nghệ trong quản lý và giám sát thực hiện chương trình

Trong bối cảnh chuyển đổi số, việc ứng dụng công nghệ vào quản lý chương trình giáo dục phổ thông là một giải pháp quan trọng nhằm nâng cao tính hiệu quả, minh bạch và kịp thời trong điều hành giáo dục. Các công cụ như hệ thống quản lý học tập (LMS), cơ sở dữ liệu số về chương trình giảng dạy, hệ thống đánh giá trực tuyến cần được triển khai đồng bộ để hỗ trợ công tác giám sát, phân tích dữ liệu và điều chỉnh chương trình theo hướng thích ứng với thực tế dạy học tại các trường phổ thông [9].

2.3.2.5. Cải thiện cơ chế giám sát và đánh giá chương trình theo hướng dữ liệu minh bạch

Hệ thống giám sát và đánh giá chương trình cần có sự thay đổi theo hướng dữ liệu minh bạch, có thể đo lường được, phản ánh chính xác mức độ thực hiện CTGDPT 2018 trên thực tế. Nhà nước cần xây dựng một bộ tiêu chí đánh giá toàn diện, kết hợp giữa các chỉ số định lượng (tỷ lệ học sinh đạt chuẩn năng lực, mức độ hoàn thành chương trình theo kế hoạch) và các chỉ số định tính (mức độ hài lòng của giáo viên, học sinh và phụ huynh, tính phù hợp của nội dung chương trình với thực tiễn) [10]. Đồng thời, cơ chế kiểm định chất lượng chương trình cần được thiết lập chặt chẽ hơn thông qua các cuộc khảo sát diện rộng, đánh giá tác động của chương trình theo từng giai đoạn triển khai.

2.3.2.6. Bổ sung cơ chế đảm bảo tài chính và cơ sở vật chất cho thực hiện chương trình

Một trong những yếu tố quan trọng đảm bảo thành công của CTGDPT 2018 là nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất phục vụ cho quá trình dạy học. Do đó, Nhà nước cần có chính sách đầu tư ổn định, phân bổ ngân sách hợp lý cho các trường phổ thông, đặc biệt là các cơ sở giáo dục ở vùng khó khăn. Bên cạnh đó, cần xây dựng cơ chế huy động nguồn lực xã hội hóa giáo dục nhằm hỗ trợ triển khai chương trình, giúp học sinh tiếp cận các phương tiện học tập hiện đại, nâng cao chất lượng dạy và học trong bối cảnh hội nhập [5].

3. Kết luận

Hệ thống quản lý chương trình giáo dục đóng vai trò then chốt trong việc định hướng thực hiện chương trình, nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Trong bối cảnh đổi mới giáo dục, thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018, Việt Nam cần hướng đến một mô hình quản lý chương trình linh hoạt, cân bằng giữa tính thống nhất quốc gia và sự thích ứng với điều kiện địa phương. Xu hướng phân cấp quản lý chương trình không chỉ tạo điều kiện cho sự đổi mới và sáng tạo trong giảng dạy mà còn góp phần nâng cao hiệu quả triển khai chính sách giáo dục. Quản lý chương trình giáo dục đảm bảo sự phân cấp trong thực hiện chương trình từ trung ương đến nhà trường, cách thức quản lý cần tạo điều kiện để các nhà trường tích cực, chủ động, linh hoạt, sáng tạo để thực hiện chương trình hiệu quả, sát với nhu cầu nhà trường, địa phương. Trong quá trình thực hiện quản lý chương trình giáo dục cần đảm bảo tính đồng bộ giữa các địa phương; Kiểm soát chất lượng giáo dục bằng hệ thống giám sát chặt chẽ để đảm bảo chất lượng đào tạo không bị ảnh hưởng; Nâng cao năng lực quản lý của địa phương; xây dựng cơ chế đánh giá liên tục và điều chỉnh chương trình dựa trên dữ liệu thực tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] English FW & Larson RL, (1996). *Curriculum management for educational and social service organizations*. Charles C. Thomas Publisher, Ltd., 2600 South First Street, Springfield, IL 62794-9265 (clothbound: ISBN-0-398-0667-1, \$56.95; paperback: ISBN-0-398-06668-X, \$39.95).
- [2] NH Chí & NQ Tri, (2014). Thẻ chế 3 cấp quản lý chương trình giáo dục phổ thông Trung Quốc, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, 102(3).
- [3] Gunawan MIA & Usman EF, (2022). Curriculum Management In Improving The Quality Of Education. *Journal of Social Science and Economics*, 1(2), 146-167.
- [4] Beare H & Sturman A, (2018). *Centralization and Decentralization in Curriculum and Evaluation: Looking Both Ways at Once*. In *Advancing Education* (pp. 16-28). Routledge
- [5] NQ Tri, (2016). Xu thế và đặc trưng cơ bản của chế độ quản lý chương trình giáo dục phổ thông hiện nay trên thế giới. *Tạp chí Khoa học giáo dục*, 129(6).
- [6] Changiz T, Yamani N, Tofighi S, Zoubin F & Eghbali B, (2019). Curriculum management/monitoring in undergraduate medical education: a systematized review. *BMC Medical Education*, 19, 1-9.
- [7] Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2018). Nghị định 127/NĐ- CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục
- [8] Bộ giáo dục và Đào tạo (2018). Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể.
- [9] Sabrina E, Giatman M & Ernawati E, (2022). Development of curriculum management in the world of education. *Fair Value: Jurnal Ilmiah Akuntansi dan Keuangan*, 4(10), 4691-4696.
- [10] Ornstein AC & Hunkins FP, (2018). *Curriculum: Foundations, Principles, and Issues* (7th ed.). Pearson.
- [11] Moore, R., & Lewis, K. (2004). *Curriculum responsiveness: The implications for curriculum management. Curriculum responsiveness. Case studies in higher education*. Pretoria: South African Vice-Chancellors Association.